

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/DS-ST

Ngày: 08/4/2019

“V/v tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Lê Long Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Đình Nguyên.
2. Bà Trần Thị Kia.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hồng Huy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

Ngày 08 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2019/TLST-DS ngày 22 tháng 01 năm 2019 về việc “*Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2019/QĐXXST-DS ngày ngày 07 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Trần Văn D**, sinh năm 1958; địa chỉ: Tổ 07 (nay là tổ 2), phường A1, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà **Tô Thị T**, sinh năm 1969; địa chỉ: Tổ 05 (nay là tổ 1), phường A1, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Trần Văn D trình bày:

Ông Trần Văn D có cho bà Tô Thị T vay theo hợp đồng vay tài sản số tiền 340.000.000đ làm 3 lần, lần một vào ngày 18/12/2015 cho bà T vay số tiền 220.000.000đ; lần 2 vào ngày 22/8/2016 cho bà T vay số tiền 50.000.000đ, khi vay bà T hẹn 10 ngày sau sẽ trả đủ; lần 3 vào ngày 31/12/2018 cho bà T vay số tiền 70.000.000đ. Ông D có đến nhà nhiều lần yêu cầu bà T trả tiền nhưng bà T hứa hết lần này đến lần khác vẫn không trả. Đến nay bà T vẫn chưa trả số tiền gốc cho ông D là 340.000.000đ.

Nay ông D yêu cầu Tòa án buộc bà Tô Thị T phải trả tổng số tiền bà T còn nợ từ hợp đồng vay là **340.000.000đ** (*Ba trăm bốn mươi triệu đồng*). Ông D không yêu cầu trả lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà bị đơn bà Tô Thị T trình bày:

Bà Tô Thị T thừa nhận có vay của ông D số tiền 340.000.000đ làm 3 lần như ông D trình bày để làm ăn. Bà cũng có thiện chí muốn trả nợ cho ông D, nhưng do điều kiện kinh tế khó khăn, làm ăn thua lỗ, một số người nợ tiền không trả, bà có thừa đất thuê chấp vay của Quỹ Tín dụng A, muốn bán cho ông D để trả nợ, nhưng khi đấu giá ông D đấu không được, nên bà T chưa trả được cho ông D số tiền còn nợ nói trên.

Hiện nay bà không còn khả năng trả nợ, tài sản của bà đã bị Cơ quan Thi hành án kê biên, nên bà đề nghị Tòa xét xử, khi nào các cơ quan chức năng thanh lý tài sản của bà, còn bao nhiêu thì thanh toán cho ông D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn ông Trần Văn D yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà Tô Thị T; địa chỉ: Tổ 5 (nay là Tổ 1), phường A1, thị xã A, tỉnh Gia Lai phải trả số tiền còn nợ từ hợp đồng vay. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

[2] Giao dịch vay tiền mà các bên xác lập vào thời điểm từ 18/12/2015 đến tháng 12/2018 và nội dung phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự 2015, do vậy theo quy định điểm b, khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015 cần áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án là phù hợp.

[5] Về số tiền gốc còn nợ: Ông Trần Văn D yêu cầu bà Tô Thị T phải trả lại số tiền còn nợ là 340.000.000đ (*Ba trăm bốn mươi triệu đồng*), điều này được bà T thừa nhận. Nên ông D khởi kiện là có căn cứ theo quy định tại Điều 463, 466 và 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Cần buộc bà Tô Thị T phải trả cho ông Trần Văn D số tiền còn nợ là 340.000.000đ (*Ba trăm bốn mươi triệu đồng*).

[6] Về lãi suất và việc trả lãi: Trong đơn khởi kiện các bên không có yêu cầu về lãi nên không xem xét.

[7] Về phương thức trả nợ: Bà T cho rằng tài sản của bà đã bị Cơ quan Thi hành án kê biên, nên bà đề nghị Tòa xử, khi nào các cơ quan chức năng thanh lý, còn bao nhiêu thì thanh toán cho ông D, điều này không được ông D đồng ý nên Hội đồng xét xử không công nhận.

[8] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2, 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị đơn bà Tô Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận là $340.000.000 \times 5\% = 17.000.000\text{đ}$.

Nguyên đơn ông Trần Văn D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466 và 470, điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2, 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn D cụ thể như sau:

Buộc bà Tô Thị T phải trả cho ông Trần Văn D số tiền 340.000.000đ (*Ba trăm bốn mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hằng tháng bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán với mức lãi suất theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, nếu các bên không thỏa thuận thì mức lãi suất thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- *Về án phí*: Nguyên đơn ông Trần Văn D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho ông Trần Văn D tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.500.000đ, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007206 ngày 22 tháng 01 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A.

Bị đơn bà Tô Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 17.000.000đ (Mười bảy triệu đồng).

Thời hạn kháng cáo: Trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án (08/4/2019), các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS TX A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Long Sơn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Đình Nguyên

Trần Thị Kia

Lê Long Sơn

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS TX A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Long Sơn

